TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long xuyên, tỉnh An giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 414/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: số 130 đường P, quận N, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L, sinh năm 1988. Chức vụ: Nhân viên Phát triển Kinh doanh Khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A - Phòng giao dịch B.

Địa chỉ: số 829 đường Đ, phường B, thành phố L, tỉnh A. Theo giấy ủy quyền ngày 18/11/2022 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh A - Phòng giao dịch B (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 869A/44 khóm BĐ 2, phường BĐ, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Văn D1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 869A/44 khóm BĐ 2, phường BĐ, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

3.2. Hội Liên hiệp Phụ nữ phường BĐ.

Địa chỉ: số 568 đường T, phường BĐ, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố L, tỉnh A.

Địa chỉ: số 568 đường T, phường BĐ, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 1811/2022, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Trần Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21/01/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh A – Phòng giao dịch B (viết tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị D thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00905085/015977401T20016. Cụ thể: Ngân hàng cho bà D vay 20.000.000đ, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm; thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày 21/01/2020 đến ngày 21/01/2021; phương thức thanh toán tiền vốn gốc và tiền lãi vay được thanh toán trong 12 kỳ liên tục, 11 kỳ đầu từ ngày 21/01/2020 đến ngày 21/12/2020, mỗi kỳ thanh toán số tiền 1.900.000đ, kỳ cuối cùng trả 1.500.000đ chấm dứt hợp đồng tín dụng giữa hai bên.

Để bảo đảm số tiền vay của bà D, đã được ông Lê Văn D1 (chồng bà D) bảo lãnh và cam kết trả nợ thay cho bà D nếu bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, việc bảo lãnh của ông D1 chỉ thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản khác của ông tại Ngân hàng để thu hồi nợ. Việc bảo lãnh cho bà D được Hội liên hiệp Phụ nữ phường BĐ, Ủy ban nhân dân phường BĐ ký xác nhận nhằm bảo đảm thủ tục cho vay theo quy định của Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D thanh toán 10.500.000đ. Trong đó, tiền vốn gốc 9.207.692đ, tiền lãi trong hạn 1.292.308đ thì ngưng thánh toán từ ngày 03/11/2022 đến nay.

Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03/11/2022 và khởi kiện yêu cầu bà D thanh toán số tiền 16.722.179đ. Trong đó, tiền vốn còn lại chưa thanh toán 10.792.308đ, số tiền vốn cố định trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, tiền lãi trong hạn 1.107.692đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 30/06/2020 đến ngày 09/02/2023 là 4.822.179đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03/11/2022 đến ngày bà D trả dứt nợ. Trường hợp bà D không thanh toán thì yêu cầu ông Lê Văn D1 là người bảo lãnh phải trả nợ thay cho bà D do đã ký kết thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi

hết nợ, bà D phải chịu mọi chi phí phát sinh theo quy định pháp luật.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị D, đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ do bà Trần Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Yêu cầu bà D thanh toán số tiền 16.981.266đ. Trong đó, tiền vốn 10.792.308đ, tiền lãi trong hạn 1.107.692đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 30/06/2020 đến ngày 27/3/2023 là 5.081.266đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03/11/2022 đến ngày bà D trả dứt nợ theo hợp đồng tín dụng 00905085/0150977401T20016 ngày 21/01/2020. Trường hợp bà D không thanh toán thì yêu cầu ông Lê Văn D1 là người bảo lãnh phải trả nợ thay cho bà D cho đến khi hết nợ, bà D phải chịu mọi chi phí phát sinh theo quy định.

Đối với Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố L, tỉnh A và Hội Liên hiệp phụ nữ phường BĐ, thành phố L, tỉnh A ký kết trong hợp đồng để bảo đảm thủ tục không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của bà D nên Ngân hàng không yêu cầu.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thông qua xác minh sự có mặt của đương sự tại nơi cư trú đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 21, Điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn. Đối với bị đơn bà D chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết nội D vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy: Ngày 21/01/2020, bà Trần Thị D ký hợp đồng tín dụng cho vay trả góp 00905085/015977401T20016 để Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) 20.000.000đ, lãi suất cho vay trong hạn 12%/năm, lãi suất cho vay quá hạn 18%/năm. Tính đến ngày 03/11/2022, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.500.000đ trong đó vốn gốc 9.207.692đ, tiền lãi trong hạn 1.292.308đ. Sau đó, bà D không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà D thực hiện trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2023 là 16.981.266đ, trong đó: vốn là 10.792.308đ, tiền lãi trong hạn 1.107.692đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 30/06/2020 đến nay 27/3/2023 là 5.081.266đ và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng do các bên ký kết cho đến khi thanh toán hết số nợ. Căn cứ theo các quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Trần Thị L đại diện theo ủy quyền có mặt. Bị đơn bà Trần Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: ông Lê Văn D1, Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố L, tỉnh A; Hội Liên hiệp phụ nữ phường BĐ, thành phố L, tỉnh A vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa, bà D, ông D1, Ủy ban nhân dân phường BĐ, Hội Liên hiệp Phụ nữ phường BĐ vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D1, Ủy ban nhân dân phường BĐ, Hội Liên hiệp Phụ nữ phường BĐ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội D đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A khởi kiện tranh chấp về số tiền theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/01/2020, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) theo hợp đồng tín dụng số 00905085/015977401T20016 ngày 21/01/2020. Bị đơn có nơi cư trú tại: số 869A/44 khóm BĐ 2, phường BĐ, thành phố L, tỉnh A đã được thể hiện theo hợp đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

[4] Về nội D vụ án: Xét giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/01/2020, thấy: Bà Trần Thị D là người đề nghị vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A – Phòng giao dịch B. Số tiền bà D được Ngân hàng phê duyệt hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội D và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, theo thỏa thuận của các bên trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn và quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng cho vay trả góp. Bà D được Ngân hàng cho vay với số tiền 20.000.000 triệu đồng và để bảo đảm số tiền vay, ông Lê Văn D1 ký tên người bảo lãnh thể hiện bà D không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng, ông D1 sẽ trả nợ thay cho đến khi hết nợ, trường hợp ông D1 không trả nợ Ngân hàng có quyền trích từ tài khoản tiền gửi hoặc tài sản gửi khác của cá nhân ông D1 tại Ngân hàng để thu hồi nợ. Nay bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà D trả số tiền 16.981.266đ. Trong đó: tiền vốn 10.792.308đ, tiền lãi trong hạn 1.107.692đ, tiền lãi quá hạn 5.081.266đ tạm tính đến ngày 27/03/2023 là phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Bà D, ông D1 vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ và không đưa ra yêu cầu đối với ý kiến trình bày, yêu cầu của Ngân hàng nên không có cơ sở Hội đồng xét xử xem xét nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật. Riêng Ủy ban nhân dân phường BĐ, Hội Liên hiệp Phụ nữ phường BĐ xác nhận thông tin bà Trần Thị D và mục đích vay tiền, Ngân hàng không tranh chấp nên không xét đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A – Phòng giao dịch B đại diện nhận được lại số tiền 406.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0001121, ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A. Bà Trần Thị D phải chịu tiền án phí 849.063đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 562, Điều 563 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bà Trần Thị D. Buộc bà Trần Thị D trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A – Phòng giao dịch B đại diện nhận số tiền 16.981.266đ (mười sáu triệu, chín trăm tám mươi mốt ngàn, hai trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: tiền vốn 10.792.308đ, tiền lãi trong hạn 1.107.692đ, tiền lãi quá hạn 5.081.266đ (tạm tính đến ngày 27/03/2023).

Trường hợp bà Trần Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi cho Ngân hàng thì ông Lê Văn D1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A - Phòng giao dịch B đại diện nhận số tiền mà bà Trần Thị D còn nợ.

Kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2023, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm:

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A – Phòng giao dịch B đại diện nhận lại số tiền 406.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0001121, ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Bà Trần Thị D phải nộp 849.063đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị D, Ông Lê Văn D1, Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố L, tỉnh A, Hội Liên hiệp Phụ nữ phường BĐ, thành phố L, tỉnh A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương